

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia tích hợp gồm: xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (giai đoạn I: 2026-2030);

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2026/TT-BD TTG ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn một số nội dung Hợp phần thứ hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan;

Căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu bố trí, sắp xếp ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030. UBND tỉnh Quảng Trị ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí, ổn định dân cư giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức bố trí, ổn định dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng và các khu vực cần sắp xếp dân cư theo yêu cầu phát triển bền vững, phù hợp với quy hoạch, kế

hoạch và điều kiện thực tế của địa phương; trong đó ưu tiên di dời các hộ dân đang sinh sống tại khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai đến nơi an toàn, góp phần bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, chủ động phòng ngừa, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bảo đảm người dân sau khi được bố trí, sắp xếp có nơi ở an toàn, ổn định lâu dài, được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và các điều kiện thiết yếu về đất ở, đất sản xuất, việc làm, sinh kế; từng bước nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng.

Gắn bố trí, ổn định dân cư với đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường, tài nguyên và rừng; khai thác, sử dụng đất đai hiệu quả; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, củng cố quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc bố trí, ổn định dân cư phải phù hợp với quy hoạch có liên quan, kế hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, đầu tư và pháp luật khác có liên quan; bảo đảm đúng đối tượng, đúng nhu cầu, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa của cộng đồng dân cư;

- Lựa chọn hình thức bố trí dân cư phù hợp với điều kiện thực tế từng địa bàn và nguyện vọng chính đáng của người dân; khuyến khích bố trí xen ghép, ổn định tại chỗ đối với khu vực bảo đảm an toàn và có điều kiện hạ tầng thiết yếu; thực hiện bố trí tập trung đối với các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai hoặc không bảo đảm điều kiện ổn định dân cư lâu dài. Việc bố trí dân cư chủ yếu thực hiện trong phạm vi địa bàn tỉnh; trường hợp cần thiết phải bố trí ngoài tỉnh, thực hiện trên cơ sở thống nhất giữa địa phương nơi đi và địa phương nơi đến theo quy định;

- Bố trí dân cư phải gắn với đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu và phương án ổn định đời sống, sản xuất, việc làm, sinh kế tại nơi đến; bảo đảm người dân có điều kiện ổn định lâu dài, hạn chế tình trạng tái di cư hoặc quay trở lại khu vực không an toàn. Đối với các khu bố trí dân cư tập trung, từng bước đầu tư, hoàn thiện hạ tầng phù hợp với tiêu chí nông thôn mới và điều kiện thực tế của địa phương;

- Phát huy trách nhiệm của các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương và sự tham gia của người dân trong tổ chức thực hiện; huy động, lồng ghép hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; việc hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân và đầu tư các công trình, dự án bố trí dân cư thực hiện theo đúng đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và quy định của pháp luật;

- Đối với khu vực phát sinh nguy cơ thiên tai đặc biệt nghiêm trọng, đe dọa trực tiếp đến tính mạng, tài sản của người dân nhưng chưa có trong Kế hoạch, UBND cấp xã chủ động triển khai các biện pháp ứng phó, sơ tán, di dời người

dân đến nơi an toàn; đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ trì kiểm tra, đánh giá, tham mưu UBND tỉnh phương án bố trí ổn định lâu dài và nguồn lực thực hiện theo quy định.

II. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC ƯU TIÊN

1. Mục tiêu

Thực hiện bố trí ổn định sắp xếp dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng cho 5.439 hộ với 21.420 nhân khẩu; trong đó:

- Theo hình thức bố trí: Tập trung: 3.686 hộ, xen ghép: 234 hộ, ổn định tại chỗ: 1.519 hộ;
- Theo đối tượng bố trí: Thiên tai: 4.048 hộ; đặc biệt khó khăn: 1.331 hộ; hải đảo: 60 hộ;
- Theo địa bàn bố trí: 31 xã, phường, đặc khu.

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

2. Nguyên tắc ưu tiên

- Di dời, bố trí ổn định dân cư đối với các trường hợp cấp bách, có nguy cơ trực tiếp ảnh hưởng đến an toàn tính mạng, tài sản của người dân; chủ động thực hiện trước khi thiên tai xảy ra;

- Bố trí ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ cao về thiên tai; các địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và các khu vực có yêu cầu bố trí, sắp xếp dân cư;

- Hộ nghèo, hộ khó khăn, hộ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai và các đối tượng cần di dời theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Phương án bố trí xen ghép, ổn định tại chỗ khi có đủ điều kiện; bố trí tập trung đối với những địa bàn thực sự cần thiết, bảo đảm hiệu quả đầu tư;

- Việc bố trí dân cư phải phù hợp quy hoạch, bảo đảm đồng bộ về đất ở, đất sản xuất, hạ tầng thiết yếu và điều kiện sinh kế, đáp ứng yêu cầu ổn định lâu dài;

- Ưu tiên các dự án đã xác định rõ đối tượng, nhu cầu và có sự đồng thuận của người dân; có địa điểm, quỹ đất phù hợp, bảo đảm điều kiện về quy hoạch, đất đai, khả năng phát triển sinh kế và mức độ sẵn sàng về thủ tục đầu tư; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp trước khi khởi công mới, trừ các trường hợp cấp bách do thiên tai;

Danh mục, số lượng hộ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch là cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện. Hằng năm, căn cứ diễn biến thiên tai, nhu cầu thực tế, mức độ cấp thiết, khả năng chuẩn bị đầu tư và cân đối nguồn lực, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương rà soát, cập nhật, tham

muu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh thứ tự ưu tiên, danh mục và quy mô bố trí dân cư phù hợp.

III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia cùng chính quyền các cấp thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch. Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền cho các hộ dân ổn định cuộc sống, không di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội dọc tuyến biên giới đất liền và giữ vững chủ quyền biên giới, hải đảo.

2. Công tác quy hoạch, kế hoạch

- Rà soát nội dung bố trí ổn định dân cư, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan;

- Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định hiện hành. Có kế hoạch cụ thể để thực hiện hoàn thành dứt điểm các dự án, sớm đưa dân đến sinh sống, ổn định lâu dài theo thứ tự ưu tiên: Nơi có nguy cơ cao về thiên tai phải được bố trí thực hiện trước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; vùng biên giới, hải đảo (hiện chưa có dân sinh sống hoặc ít dân); vùng đặc biệt khó khăn; vùng dân di cư tự do đến đời sống còn khó khăn, dân cư trú trong khu rừng đặc dụng.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất tại vùng dự án bố trí dân cư

- Việc bố trí dân cư phải gắn với phương án ổn định sinh kế tại nơi đến; đối với dự án bố trí dân cư tập trung, trong quá trình chuẩn bị dự án phải đồng thời xác định phương án sản xuất, việc làm, đào tạo nghề hoặc sinh kế phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của người dân;

- Hỗ trợ vùng dự án bố trí ổn định dân cư phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác; xây dựng các mô hình, dự án phát triển sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hình thành các sản phẩm OCOP đa giá trị gắn với lợi thế vùng, miền, quốc gia; thúc đẩy phát triển các mô hình làng du lịch văn hóa cộng đồng gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc;

- Hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế khác cho người dân phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của người dân, cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

4. Bố trí đất ở, nhà ở, đất sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu

- Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan, các địa phương có biện pháp giao đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án bố trí ổn định dân cư, bảo đảm đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, tập quán ở địa phương. Thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với các hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí ổn định dân cư tập trung theo dự án được duyệt, bao gồm các hạng mục: Bồi thường, giải phóng mặt bằng; san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất (đối với khai hoang tập trung); đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); thủy lợi, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác;

- Hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, khai hoang, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung). Hộ gia đình, cá nhân đang cư trú hợp pháp trong khu rừng đặc dụng được bố trí tái định cư thì được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định hiện hành;

- Hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép để thực hiện các việc: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất), xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác. Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại;

- Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ được hỗ trợ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

5. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm

- Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư, đặc biệt với những hộ không bảo đảm quỹ đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống;

- Hỗ trợ vùng dự án bố trí ổn định dân cư xây dựng mô hình đào tạo nghề phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên các nghề trong các lĩnh vực nông nghiệp chủ lực của địa phương, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an toàn và các dịch vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

6. Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện Chương trình

Xây dựng nội dung, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình cho cán bộ, công chức, người làm công tác bố trí dân cư và bảo đảm kinh phí chỉ đạo thực hiện Chương trình ở các cấp.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ: (i) ngân sách nhà nước bao gồm nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ngân sách địa phương; (ii) nguồn xã hội hóa; nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án có liên quan và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh các cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí, ổn định dân cư phù hợp với từng vùng, từng đối tượng;

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, xác định đối tượng, nhu cầu, hình thức bố trí dân cư; kiểm tra các điều kiện về quy hoạch, đất đai, môi trường và các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; tổng hợp, xây dựng danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả đầu tư;

- Hằng năm, chủ trì rà soát, cập nhật các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, nhu cầu bố trí dân cư và tình hình thực hiện các dự án; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí, huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; kịp thời tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan rà soát khả năng cân đối nguồn lực, tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn từ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch theo quy định; ưu tiên các dự án cấp bách, dự án chuyển tiếp và dự án bảo đảm điều kiện, khả năng triển khai. Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí; phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn, bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Sở Xây dựng

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các địa phương rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng đối với các khu, điểm bố trí dân cư, bảo đảm phù hợp với quy hoạch có liên quan, điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa hình và yêu cầu phòng, chống thiên tai; phối hợp hướng dẫn việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại các khu bố trí dân cư theo quy định;

- Hướng dẫn các địa phương áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, giải pháp thiết kế, xây dựng nhà ở an toàn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm thiên tai và tập quán sinh hoạt của người dân từng khu vực; khuyến khích áp dụng các mẫu, giải pháp nhà ở có khả năng chống chịu bão, lũ và các loại hình thiên tai đặc trưng trên địa bàn.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác di dân tái định cư các dự án tái định cư thủy lợi, thủy điện bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường với ổn định đời sống, sinh kế lâu dài cho nhân dân.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn các xã triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình; hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 06 hợp phần thứ hai thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030 theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân khu vực biên giới, hải đảo thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về bố trí, ổn định dân cư; gắn ổn định dân cư với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia;

- Phối hợp rà soát, đánh giá và tham gia ý kiến đối với các phương án, dự án bố trí, ổn định dân cư tại khu vực biên giới, hải đảo theo chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các lực lượng liên quan trong phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, sơ tán, di dời người dân khỏi khu vực nguy hiểm; hỗ trợ nhân dân ổn định đời sống sau thiên tai theo quy định;

- Tăng cường nắm tình hình địa bàn, vận động nhân dân tham gia bảo vệ đường biên, mốc quốc giới, giữ gìn an ninh, trật tự; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh về quốc phòng, an ninh tại các khu vực bố trí dân cư thuộc địa bàn biên giới.

7. Công an tỉnh

Tiếp tục tổ chức chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác quản lý về cư trú, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội đối với dân cư thuộc vùng triển khai dự án; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện thiếu sót trong thực hiện các chủ trương, chính sách để tham mưu UBND tỉnh có biện pháp khắc phục; ổn định tình hình dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng.

8. Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý; hướng dẫn, lồng ghép các chương trình, đề án, chính sách có liên quan nhằm góp phần ổn định đời sống, bảo đảm các dịch vụ thiết yếu và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại các khu vực bố trí, ổn định dân cư.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo các tổ chức thành viên phối hợp các sở, ngành, địa phương thực hiện công tác giám sát và vận động các đoàn viên, hội viên, người dân trong việc tuân thủ pháp luật, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, giảm nghèo, thực hiện tốt chương trình bố trí dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng.

10. UBND các xã, phường, đặc khu

- Tổ chức rà soát quy hoạch di dân, tái định cư thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn theo quy định của Luật Xây dựng, Luật quy hoạch và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan, bảo đảm yêu cầu về đất ở, đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, các công trình hạ tầng, phù hợp với phong tục tập quán của người dân từng địa phương, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, đối tượng và nhu cầu bố trí dân cư do địa phương đề xuất; trước khi đề xuất đầu tư dự án bố trí dân cư phải tổ chức khảo sát, xác định cụ thể đối tượng, nhu cầu, mức độ đồng thuận

của các hộ dân, địa điểm và quỹ đất dự kiến bố trí, điều kiện hạ tầng, sản xuất, việc làm và khả năng ổn định sinh kế tại nơi đến;

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị đóng quân trên địa bàn tăng cường công tác tuyên truyền vận động, hướng dẫn không để người dân tự ý di cư tự do;

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, dân cư, đầu tư xây dựng; tổ chức thực hiện việc thu hồi, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ tái định cư theo đúng quy định; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch; nâng cao năng lực của chính quyền cơ sở và cán bộ trực tiếp làm công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giảm nghèo tại địa phương;

- Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện bố trí, ổn định dân cư; bảo đảm người dân thuộc diện di dời được cung cấp đầy đủ thông tin, được tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến và lựa chọn phương án phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của gia đình; bảo đảm sự đồng thuận trước khi tổ chức di dời, bố trí dân cư;

- Tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý hoặc điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, NNMT_K.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

Phụ lục
KẾ HOẠCH BỐ TRÍ SẮP XẾP DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên xã/phường	Kế hoạch bố trí dân cư năm 2026-2030								
		Số hộ	Số khẩu	Hình thức bố trí			Đối tượng bố trí			
				Tập trung	Xen ghép	Ổn định tại chỗ	Thiên tai	Đặc biệt khó khăn	Biên giới	Hải đảo
1	Xã Trường Sơn	408	1.257	408			408			
2	Xã Đồng Lê	103	436	103			103			
3	Xã Kim Điền	394	1.576	394			34	360		
4	Xã Trường Phú	17	69		17		17			
5	Xã Bồ Trạch	31	134			31	31			
6	Xã Thượng Trạch	267	1.068	267				267		
7	Xã Kim Phú	1.050	4.040	1.050			950	100		
8	Xã Hiếu Giang	17	63	17			17			
9	Xã La Lay	453	2.536	453				453		
10	Xã Tà Rụt	79	340	79			79			
11	Xã Vĩnh Định	50	190		50		50			
12	Xã Nam Ba Đồn	8	40			8	8			
13	Xã Hoàn Lão	155	548			155	155			
14	Phường Quảng Trị	50	162	50			50			
15	Xã Đông Trạch	18	60			18	18			
16	Xã Dân Hóa	262	1.216	100	50	112	179	83		
17	Xã Tân Thành	112	448	78	14	20	81	31		
18	Xã Bến Quan	50	217	50			50			
19	Xã Tuyên Phú	145	498	61		84	145			

STT	Tên xã/phường	Kế hoạch bố trí dân cư năm 2026-2030								
		Số hộ	Số khẩu	Hình thức bố trí			Đối tượng bố trí			
				Tập trung	Xen ghép	Ổn định tại chỗ	Thiên tai	Đặc biệt khó khăn	Biên giới	Hải đảo
20	Xã Tuyên Lâm	43	156		43		20	23		
21	Xã Minh Hóa	147	539	147			133	14		
22	Xã Tân Mỹ	194	678			194	194			
23	Xã Kim Ngân	97	450	97			97			
24	Xã Ba Lòng	196	620	196			196			
25	Phường Đồng Thuận	30	120			30	30			
26	Xã Ái Tử	255	958	60	60	135	255			
27	Xã Tân Gianh	261	851			261	261			
28	Xã Nam Gianh	3	24	3			3			
29	Xã Vĩnh Linh	471	1.836			471	471			
30	Xã Cam Lộ	13	50	13			13			
31	Đặc khu Cồn Cỏ	60	240	60						60
	Tổng nhu cầu	5.439	21.420	3.686	234	1.519	4.048	1.331	-	60